

Bản án số: 19/2026/HS-ST.

Ngày 28-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thuý;
2. Bà Trần Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lý Trọng Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 148/2025/TLST-HS ngày 23-12-2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 18/4/1998 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị R; A, chị, em ruột: Không có; Chồng, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2025 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị R1, sinh năm: 1962 (chết).

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà R1:

1. Chị Nguyễn Thị R, sinh năm: 1981. Địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh.
2. Anh Bùi Công Q, sinh năm: 1989. Địa chỉ: ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh.
3. Chị Bùi Thị D, sinh năm: 1990. Địa chỉ: ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị R và chị D: Anh Bùi Công Q. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm: 2003. Địa chỉ: Ô, khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 4/2025, Nguyễn Thị Thu T sống chung nhà với bà Nguyễn Thị R1 (là bà ngoại của T) tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh) nên T biết bà R1 cất giấu tiền, vàng trong tủ ở phòng ngủ của T. Để có tiền tiêu xài và tham gia đầu tư chứng khoán, T nảy sinh ý định lấy trộm tiền, vàng của bà R1 đem bán; bằng thủ đoạn mua vàng giả đem về đánh tráo lấy vàng thật nhằm mục đích để bà R1 không phát hiện. Với thủ đoạn trên, lợi dụng lúc bà R1 không có ở nhà, T đã lén lút mở tủ lấy trộm tiền, vàng của bà R1 06 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất, vào khoảng giữa tháng 4/2025, T lấy trộm 01 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ đem đến tiệm vàng ở khu vực chợ G (không nhớ rõ tên) bán được số tiền 45.000.000 đồng và nhờ tiệm vàng chuyển tiền vào tài khoản chứng khoán của T (không nhớ số tài khoản) để đầu tư và thua lỗ hết.

- Lần thứ hai, cách lần thứ nhất khoảng 03-04 ngày, T lấy trộm số tiền 9.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ đem đến tiệm vàng ở khu vực T (không nhớ rõ tên) bán được số tiền 47.000.000 đồng và nhờ tiệm vàng chuyển tiền vào tài khoản chứng khoán của T (không nhớ số tài khoản) để đầu tư và thua lỗ hết.

- Lần thứ ba, cách lần thứ hai khoảng 03-04 ngày, T lấy trộm 01 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ đem đến tiệm vàng ở khu vực chợ T1 (không nhớ rõ tên) bán được số tiền 47.000.000 đồng và nhờ tiệm vàng chuyển tiền vào tài khoản chứng khoán của T (không nhớ số tài khoản) để đầu tư và thua lỗ hết.

- Lần thứ tư, cách lần thứ ba khoảng 03-04 ngày, T lấy trộm 01 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ đem đến tiệm vàng ở khu vực chợ T1 (không nhớ rõ tên) bán được số tiền 46.000.000 đồng và nhờ tiệm vàng chuyển tiền vào tài khoản chứng khoán của T (không nhớ số tài khoản) để đầu tư và thua lỗ hết.

- Lần thứ năm, cách lần thứ tư khoảng 03-04 ngày, T lấy trộm 01 sợi dây chuyền, loại vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ đem đến tiệm vàng ở khu vực chợ T1 (không nhớ rõ tên) bán được số tiền 46.000.000 đồng và nhờ tiệm vàng chuyển tiền vào tài khoản chứng khoán của T (không nhớ số tài khoản) để đầu tư và thua lỗ hết.

- Lần thứ sáu, cách lần thứ năm khoảng 03-04 ngày, T lấy trộm tiền Việt Nam 3.000.000 đồng trong túi áo khoác của bà R1 và 01 sợi dây chuyền, loại vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ, đem đến tiệm vàng ở khu vực chợ G (không nhớ rõ tên) bán được số tiền 48.000.000 đồng và nhờ tiệm vàng chuyển tiền vào tài khoản chứng khoán của T (không nhớ số tài khoản) để đầu tư và thua lỗ hết.

Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 01/5/2025, bà R1 chuẩn bị đi đám giỗ nên vào trong phòng ngủ của T mở tủ lấy vàng cất trong tủ đeo đi đám giỗ thì thấy số vàng của bà R1 còn mới không giống như số vàng của bà R1 mua lâu đã cũ (nghỉ là vàng giả) nên bà R1 tiếp tục kiểm tra số tiền 100.000.000 đồng cất chung với số vàng thì phát hiện bị mất 9.000.000 đồng và kiểm tra số tiền 16.000.000 đồng bỏ trong túi áo khoác để tại đầu giường ngủ (trong phòng khách) thì bị mất số tiền 3.000.000 đồng. Bà R1 nghi ngờ T là người lấy trộm nên yêu cầu T trả lại tài sản nếu không sẽ trình báo Công an; T không thừa nhận lấy trộm tài sản nhưng nói sẽ có trách nhiệm bồi thường số tài sản bị mất trộm cho bà R1. Sau đó, T mượn vàng của chị Nguyễn Thị Hồng M (là bạn của T) đem bán được số tiền 50.000.000 đồng trả cho bà R1 và hẹn đến ngày 10/5/2025, sẽ mua lại số vàng trên để trả cho bà R1 thì bà R1 đồng ý. Sau đó, T bỏ trốn, không liên lạc được; ngày 27/5/2025, bà R1 đến Công an xã P trình báo sự việc. Ngày 01/10/2025, T đến Công an xã P, tỉnh Tây Ninh đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên (Bút lục 102-105, 107-112, 120-125, 131-140, 148-151, 159-162).

Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 11/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, kết luận: 04 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, 98%, trọng lượng mỗi chiếc là 05 chỉ, trị giá 208.946.666 đồng; 02 sợi dây chuyền hình mắc xích vàng 24K, 98%, trọng lượng mỗi sợi là 05 chỉ, trị giá 103.066.666 đồng. Tổng trị giá tài sản là 312.013.332 đồng (Bút lục 19-20).

Kết luận giám định số 3266/KL-KTHS ngày 04/8/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- 02 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, tổng khối lượng 58,6871 gam có hàm lượng trung bình của thành phần kim loại bạc (A) là 91,45%, đồng (Cu) là 1,1%, K (Z) là 5,2%.

- 03 chiếc nhẫn trơn kim loại bằng vàng, tổng khối lượng 31,8689 gam có hàm lượng trung bình của thành phần kim loại bạc (A) là 91,52%, đồng (Cu) là 11,33%, K (Z) là 8,09%.

- 01 chiếc nhẫn trơn kim loại bằng vàng, tổng khối lượng 31,8689 gam có hàm lượng trung bình của thành phần kim loại Vàng (A) là 11,19%, đồng (Cu) là 8,47%, K (Z) là 80,19% (Bút lục 22).

* Kết quả thu giữ vật chứng: 01 gói được niêm phong số 3266/C09B có chữ ký ghi tên Nguyễn Phước N (người chứng kiến), Cao Anh H (người niêm phong), trong có mẫu vật gửi giám định như trong bản KLGD số 3266/KL-KTHS của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm: 04 vòng kim loại màu vàng; 02 sợi dây kim loại hình tròn, màu vàng, dạng mắc xích và 02 túi vải màu đỏ có chữ “KIM TÂM”, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị R1 đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt là 117.000.000 đồng, anh Q yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 207.013.332 đồng. Chị M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà chị đã cho bị

cáo mượn để bồi thường cho bà R1.

Về kê biên tài sản: Qua kết quả xác minh, bị cáo không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKSKV12 ngày 23 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 07 năm đến 08 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ghi nhận bị hại đã nhận lại một phần tài sản với số tiền 117.000.000 đồng và chị M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bị cáo đã mượn của chị M để bồi thường cho bà R1. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà R1 là 207.013.332 đồng và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận, bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về với gia đình và trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người liên quan khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Do tính tình tham lam muốn có tiền tiêu xài và để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên từ khoảng giữa tháng 4/2025 đến ngày 01/5/2025, tại ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh. Bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã lén lút lấy trộm vàng và tiền của Rạng 06 lần gồm: 04 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24K, 98%, trọng lượng mỗi chiếc là 05 chỉ; 02 sợi dây chuyền hình mắc xích, loại vàng 24K, 98%, trọng lượng mỗi sợi là 05 chỉ, tổng trị giá 312.013.332 đồng và tiền 12.000.000 đồng thì bị phát hiện. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 324.013.332

đồng (ba trăm hai mươi bốn triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi hai) đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là của bà ngoại - người trực tiếp nuôi dưỡng bị cáo, hành vi của bị cáo không những gây ra bất bình trong dư luận, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc giữ gìn và bảo vệ tài sản. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, chỉ muốn chiếm đoạt, hưởng thụ bất hợp pháp tài sản của người khác. Do đó, cần áp dụng một mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã tự nguyện trả lại một phần tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại, hơn nữa bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại số tiền 117.000.000 đồng và anh Q yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 207.013.332 đồng, bị cáo đồng ý nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị hại số tiền nêu trên là phù hợp.

Ghi nhận chị M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bị cáo đã mượn để bồi thường cho bà R1.

[6] Xử lý vật chứng: Đối với 04 vòng kim loại màu vàng; 02 sợi dây kim loại hình tròn, màu vàng, dạng mắc xích là công cụ phạm tội và không còn giá trị

nên cần tịch thu tiêu hủy; 02 túi vải màu đỏ có chữ “KIM TÂM”, đã qua sử dụng là của bị hại, xét thấy không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với chị Nguyễn Thị Hồng M không có bàn bạc, thỏa thuận trước và không biết bị cáo trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị R1 nên không có căn cứ xử lý.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ.

[9] Do Hội đồng xét xử kết luận bị cáo có tội và bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/10/2025.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ghi nhận bị hại đã nhận lại số tiền 117.000.000 (một trăm mười bảy triệu) đồng.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị hại là chị Nguyễn Thị R, anh Bùi Công Q và chị Bùi Thị D số tiền 207.013.332 (hai trăm lẻ bảy triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận chị M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bị cáo đã mượn để bồi thường cho bà R1.

Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) vòng kim loại màu vàng; 02 (hai) sợi dây kim loại hình tròn, màu vàng, dạng mắc xích và 02 túi vải màu đỏ có chữ “KIM TÂM”, đã qua sử dụng. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 10.350.000 (mười triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA.TAND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 12 - TN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THAHS tỉnh Tây Ninh;
- Phân trại tạm giam Gia Lộc thuộc Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh TN;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vui